

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 19- 3- 2021

*V/v “Tranh chấp hủy Biên bản  
phân chia di sản thừa kế”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tường Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tạo

2. Ông Hoàng Công Nghĩa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba

Đồn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2020/TLST-TCDS ngày 16/10/2020 về việc “Tranh chấp hủy Biên bản phân chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-TCDS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị A, sinh năm 1948

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2.3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Đoàn Thị A là con của bà Hoàng Thị T và ông Đoàn Văn H. Sau khi ông Đoàn Văn H chết, bà Hoàng Thị T kết hôn với ông Nguyễn Hữu Đ và sinh được 03 người con là ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L. Năm 1986 ông Nguyễn Hữu Đ chết, năm 2005 bà Hoàng Thị T chết không để lại di chúc. Di sản bà T để lại gồm thửa đất số 536, tờ bản đồ số 4, diện tích 865m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 200 m<sup>2</sup>, TCHN (BHK) 665m<sup>2</sup>). Hiện nay ông Nguyễn Trọng T đang sử dụng thửa đất này. Đến ngày 02/7/2018 ông T, bà L, bà L đã đến UBND xã Q tự ý lập Biên bản phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất nói trên có nội dung: bà L và bà L từ chối nhận di sản thừa kế và giao lại thửa đất số 536, tờ bản đồ số 4, diện tích 865m<sup>2</sup> tại xã Q, huyện Q (nay là thị xã B) tỉnh Quảng Bình mang tên Hoàng Thị T cho ông T được quyền sử dụng nhưng không thông báo cho bà A biết. Ngày 17/7/2018, UBND xã Quảng H đã chứng thực Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/7/2018, số công chứng 78/2017, quyền số 01/2015. Hiện nay ông T đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi biết được sự việc trên, bà đã nhiều lần khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã Q, nhưng không được giải quyết. Nay bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu huỷ Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/7/2018.

*Bị đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:* Mẹ ông là bà Hoàng Thị T có tất cả 04 người con là: Đoàn Thị A, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L. Ông và bà Đoàn Thị A là chị em cùng mẹ khác cha, còn ông và bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L là anh em cùng cha, cùng mẹ, cha ông là Nguyễn Hữu Đ chết năm 1986; mẹ ông là Hoàng Thị T chết năm 2005. Cha, mẹ ông chết đột ngột nên không để lại di chúc. Ông sinh ra và lớn lên trên thửa đất số 356, tờ bản đồ số 4 tại xã Q, huyện Q (nay là thị xã B) tỉnh Quảng Bình mang tên Hoàng Thị T. Đến ngày 02/7/2018 ông cùng 02 em của ông là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L đã lập Biên bản phân chia di sản thừa kế với

nội dung là giao cho ông được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 356, tờ bản đồ số 4 mang tên Hoàng Thị T và đã được UBND xã Q chứng thực theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 10/8/2018, ông đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành CM 578062; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS05091, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 12 tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mang tên Nguyễn Trọng T. Nay bà Đoàn Thị A làm đơn yêu cầu huỷ Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/7/2018 thì ông không đồng ý, vì khi bà Hoàng Thị T còn sống thì đã đồng ý cho ông thửa đất nói trên nên ông mới làm nhà ở cùng vợ và các con trên thửa đất này đã hơn 30 năm. Còn từ khi bà T chết đến nay, bà A không có trách nhiệm gì trong việc thờ cúng bà T.

- *Bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà cũng đồng ý với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Trọng T. Bà khẳng định bà Đoàn Thị A là con của bà Hoàng Thị T và là chị em cùng mẹ khác cha với bà, ông T, bà L. Bà Hoàng Thị T chết năm 2005, không để lại di chúc. Ngày 02/7/2018 bà, ông T và bà L đã lập Biên bản phân chia di sản thừa kế với nội dung: bà và bà L từ chối nhận di sản thừa kế và giao lại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 4 mang tên Hoàng Thị T cho ông T toàn quyền sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực, hiện nay ông T cũng đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà A làm đơn yêu cầu Tòa án huỷ Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/7/2018 thì bà không đồng ý, vì ông Nguyễn Trọng T là con trai duy nhất của bà T và hiện đang thờ cúng bà T trên thửa đất đó nên việc ông T được thừa kế thửa đất của bà Tịnh để lại là hoàn toàn phù hợp.

- *Bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà cũng đồng ý như ý kiến trình bày của ông T, bà L. Bà khẳng định bà Đoàn Thị A là con bà Hoàng Thị T và là chị em cùng mẹ khác cha với bà, ông T, bà L. Ngày 02/7/2018 bà, ông T và bà L đã lập Biên bản phân chia di sản thừa kế với nội dung: bà và bà L từ chối nhận di sản thừa kế và giao lại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 4 mang tên Hoàng Thị T cho ông T được toàn quyền sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực, hiện nay ông T cũng đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà A làm đơn yêu cầu Tòa án huỷ Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/7/2018 thì bà không đồng ý, vì ông Nguyễn Trọng T là con trai duy nhất của bà T và hiện đang thờ cúng bà T trên thửa đất đó, việc ông T được thừa kế thửa đất của mẹ bà để lại là hoàn toàn phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Ngày 17/7/2018, Ủy ban nhân dân xã Q có ký chứng thực Biên bản phân chia di sản thừa kế số công chứng 78/2017, quyền số 01/2015, với nội dung: Các anh chị em gồm bà Nguyễn Thị L và Hoàng Thị L từ chối nhận di sản thừa kế và thỏa thuận giao thừa đất số 356, tờ bản đồ số 4, diện tích 865 m<sup>2</sup> tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 12, diện tích 916,3m<sup>2</sup>) tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho ông Nguyễn Trọng T được quyền sử dụng. Tại thời điểm ký kết Biên bản phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất nêu trên, do phía gia đình ông T, bà L, bà L khai không trung thực về các thành viên trong gia đình nên khi lập Biên bản phân chia di sản thừa kế thiếu một thành viên. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn Đ, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt ông Đ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/7/2018 được ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình chứng thực số 78/2017, quyền số 01/2015 ngày 17/7/2018 vô hiệu;

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 và khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 100.000 đồng án phí để sung vào công quỹ nhà nước, miễn án phí cho ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Đoàn Thị A làm đơn khởi kiện ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hủy Biên bản phân chia di sản thừa kế”. Ông T, bà L hiện cư trú tại xã Q; bà L hiện cư trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người liên quan: Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn Đ, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn Đ.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Hoàng Thị T và ông Đoàn Văn H kết hôn với nhau và sinh được 01 người con là bà Đoàn Thị A. Sau khi ông Đoàn Văn H chết, bà Hoàng Thị T kết hôn với ông Nguyễn Hữu Đ và sinh được 03 người con chung là ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L là anh chị em cùng mẹ khác cha và các bên đương sự cũng đã thừa nhận điều này. Năm 2005 bà Hoàng Thị T chết không để lại di chúc, di sản của bà T để lại gồm thửa đất số 536, tờ bản đồ số 4, diện tích 865m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 200m<sup>2</sup>, TCHN (BHK) 665m<sup>2</sup>). Hiện nay ông Nguyễn Trọng T đang sử dụng và thửa đất này sau khi đo đạc cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính đã chuyển thành thửa đất số 37, tờ bản đồ số 12, diện tích 916,3 m<sup>2</sup> được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B xác nhận ngày 21/6/2018. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 và điểm a Điều 651 Bộ luật Dân sự thì di sản của bà Hoàng Thị T để lại sẽ được chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, khi làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế, ông T, bà L và bà L không khai bà Đoàn Thị A là con của bà Hoàng Thị T nên tại Biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/07/2018 không có chữ ký của bà A. Như vậy, ông T, bà L

và bà L đã cung cấp thông tin sai sự thật nhằm mục đích giao cho ông Nguyễn Trọng T được hưởng thừa kế toàn bộ di sản của bà T đã vi phạm điều cấm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Luật Công chứng năm 2014 và Điều 123 Bộ luật dân sự. Vì vậy, xét yêu cầu hủy Biên bản phân chia di sản thừa kế số công chứng 78/2017, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình chứng thực ngày 17/7/2018 là vô hiệu của bà A là có cơ sở cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Đoàn Thị A được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Theo phần, ông T, bà L, bà L mỗi người phải nộp 100.000 đồng. Tuy nhiên, ông T và bà L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 7 Luật Công chứng năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 và khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị A. Tuyên bố: “Biên bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 78/2017, quyển số 01/2015 được được ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình chứng thực ngày 17/7/2018 là giao dịch dân sự vô hiệu.
3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải nộp 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước, miễn án phí cho ông T và bà L.

Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/3/2021).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;

- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Tưởng Thị Hà**